

KẾ HOẠCH
Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng
thông thường trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2017

Thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2017 với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đổi mới cơ chế trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, đảm bảo thực thi đúng quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Triển khai thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật, trên nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư; khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả khoáng sản; hạn chế thất thoát tài nguyên, góp phần tăng nguồn thu cho Ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo thực hiện việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh.

- Đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Yêu cầu

- Rà soát, lựa chọn loại khoáng sản, khu vực khoáng sản, xây dựng Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản để đưa ra đấu giá quyền khai thác phù hợp điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh An Giang giai đoạn 2008-2020, định hướng đến năm 2030 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2017.

- Thực hiện các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy định theo Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

II. Nội dung

1. Số lượng khu vực đấu giá quyền khai thác

Các khu vực mỏ khoáng sản trong kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường năm 2017, gồm 05 khu vực với tổng diện tích 270,53 ha; trong đó: 02 khu vực cát sông với diện tích 98 ha, 03 khu vực sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói với diện tích 172,53 ha (*có Danh mục khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang kèm theo*).

2. Phương pháp tiến hành

Căn cứ Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Tư pháp, Tài chính, các sở ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có khu vực mỏ đưa ra đấu giá xây dựng cơ chế tài chính để thực hiện việc thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với các khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác để làm cơ sở tổ chức thực hiện đấu giá; xây dựng nội quy phiên đấu giá cho các khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá và tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2017.

Trường hợp các khu vực mỏ khoáng sản thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản nằm trong kế hoạch này nhưng chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác trong năm 2017 thì được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng Danh mục các khu vực mỏ khoáng sản nằm trong kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Danh mục các khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác đã được UBND tỉnh có quyết định phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước; các thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Lập, tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho từng phiên đấu giá cụ thể theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đối với các khu vực lập hồ sơ mời tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực được duyệt theo kế hoạch.

3. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc lựa chọn Tổ chức đấu giá đủ năng lực, đủ tư cách pháp nhân, chuyên nghiệp điều hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời có phản ánh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công Thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Quang Thi

DANH MỤC
CÁC KHU VỰC MỎ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI
THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2017

(Kèm theo Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 104°45', múi chiều 3°)		Mức sâu khai thác dự kiến (m)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Ghi chú
					X(m)	Y(m)			
I	Cát sông làm vật liệu xây dựng thông thường		98						
1	Mỏ cát vật liệu xây dựng thông thường trên sông Tiền, thuộc xã Vĩnh Hòa, TX. Tân Châu	Cát xây dựng và san lấp	49	1	1.198.739	550.32	-16	3.207.800	Diện tích và độ sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan
				2	1.198.889	550.648			
				3	1.197.947	551.149			
				4	1.197.714	550.645			
2	Mỏ cát vật liệu xây dựng thông thường trên sông Tiền, thuộc xã Vĩnh Hòa và Tân An, TX. Tân Châu	Cát xây dựng và san lấp	49	1	1.197.665	550.662	-16	2.878.493	Diện tích và độ sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan
				2	1.197.906	551.168			
				3	1.197.645	551.305			
				4	1.197.048	551.505			
				5	1.196.804	551.635			
				6	1.196.718	551.526			
				7	1.197.410	550.756			
II	Sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói								
3	Mỏ sét vật liệu xây dựng thông thường làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói	Sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói	68,6	1	1.152.284	543.077	0	749.667	Diện tích và độ sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan
				2	1.152.289	543.196			
				3	1.152.084	543.437			
				4	1.151.778	543.126			
				5	1.152.056	542.871			
				1	1.152.020	542.823			
				2	1.151.733	543.084			
				3	1.151.450	542.812			
				4	1.151.293	542.32			
				5	1.151.443	542.24			
				1	1.152.114	543.736			
				2	1.151.723	544.073			
				3	1.151.584	543.906			

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 104°45', múi chiều 3°)		Mức sâu khai thác dự kiến (m)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Ghi chú
					X(m)	Y(m)			
	thuộc phường Bình Đức, TP. Long Xuyên			4	1.151.573	543.308			
				5	1.151.723	543.179			
				6	1.151.951	543.401			
				7	1.151.774	543.592			
				8	1.151.870	543.788			
4	Mỏ sét vật liệu xây dựng thông thường làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói thuộc TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn	Sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói	47,6	1	1.153.103	500.664	0	5.094.270	Diện tích và độ sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan
				2	1.153.010	500.918			
				3	1.152.892	501.095			
				4	1.152.720	501.329			
				5	1.152.534	501.636			
				6	1.152.465	501.812			
				7	1.152.448	501.814			
				8	1.152.277	500.766			
				9	1.153.071	500.625			
5	Mỏ sét vật liệu xây dựng thông thường làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói thuộc TT. An Phú, huyện An Phú	Sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói	56,33	1	1.191.913	536.851	-1	1.578.070	Diện tích và độ sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan
				2	1.192.178	537.456			
				3	1.191.350	537.971			
				4	1.191.158	537.650			
				5	1.191.761	536.888			
				2	1.687.377,40	561.730,82			
				3	1.687.314,65	561.976,42			
				4	1.687.253,03	561.825,13			
				5	1.687.340,42	561.446,90			
				2	1.669.456,00	566.882,00			
				3	1.669.161,00	566.633,00			
				4	1.669.067,00	566.281,00			